

Bản án số: 42/2026/HNGĐ-ST

Ngày 07/5/2026.

V/v: “Tranh chấp về
Hôn nhân và gia đình”.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 6 - PHÚ THỌ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Việt Dũng.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Anh Đức và ông Hoàng Ngọc Hân.

- Thư ký phiên tòa: Bà Bùi Thị Hà Giang - Thư ký viên Tòa án nhân dân khu vực 6 - Phú Thọ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 6 – Phú Thọ tham gia phiên tòa: Ông Trần Xuân Trường - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 5 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 6 - Phú Thọ xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 172/2025/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 11 năm 2025 về việc “Tranh chấp Hôn nhân và gia đình”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 30/2026/QĐXXST – HNGĐ ngày 25 tháng 3 năm 2026 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 36/2026/QĐST-HNGĐ ngày 09 tháng 4 năm 2026 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị **Sa Thị Thanh T**, sinh năm 1997. Địa chỉ: Khu H, xã S, tỉnh Phú Thọ.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn: Bà Phạm Thị T1- Trợ giúp viên pháp lý Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh P; vắng mặt có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Bị đơn: Anh **Đinh Văn V**, sinh năm 1995. Địa chỉ: Khu N, xã T, tỉnh Phú Thọ.

Hiện đang chấp hành án phạt tù tại đội 02, Phân trại 2 thuộc Trại giam Y, Cục C1- Bộ C2; xã P, tỉnh Sơn La.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn: Bà Nguyễn Thị S - Trợ giúp viên pháp lý Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh P; vắng mặt có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

(Chị T, anh V đều đề nghị xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1, Tại đơn khởi kiện ngày 09/4/2025 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Sa Thị Thanh T trình bày: Chị và anh Đinh Văn V kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 15/11/2016 tại UBND xã M, huyện Y, tỉnh Phú Thọ (nay là xã S, tỉnh Phú Thọ). Trước khi kết hôn được tự nguyện tìm hiểu. Quá trình chung sống vợ chồng hòa thuận hạnh phúc, đến năm 2021 thì phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung, vợ chồng không hòa hợp, không cùng nhau xây dựng hạnh phúc gia đình. Vợ chồng đã sống ly thân cuối năm 2021. Đến năm 2024 thì anh V đi cải tạo chấp hành án tại phân trại 02, trại giam Y1 - Bộ C2. Nay chị xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh V.

Về con chung: Chị và anh V có 02 con chung là Đinh Văn Đ, sinh ngày 04/3/2018 và Đinh Ngọc L, sinh ngày 07/8/2020. Hiện nay, 02 con chung đang ở cùng ông, bà nội tại khu N, xã T, tỉnh Phú Thọ. Nhưng chị vẫn thường xuyên gửi tiền về để nuôi con và thỉnh thoảng vẫn về thăm nom con chung. Chị hiện nay làm công việc tự do thu nhập trung bình từ 8.000.000đồng đến 10.000.000đồng/tháng. Khi ly hôn, do anh V vẫn đang cải tạo chấp hành án tại phân trại 02, trại giam Y1 - Bộ C2 nên chị xin được trực tiếp nuôi dưỡng cả 02 con chung và không yêu cầu anh V cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung; nghĩa vụ chung về tài sản; công sức: Chị T không yêu cầu giải quyết.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn: Bà Phạm Thị T1 - Trợ giúp viên pháp lý Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh P có bản quan điểm nhất trí với quan điểm của chị T, đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết theo quy định của pháp luật.

2, Quá trình giải quyết vụ án, tại bản tự khai ngày 12/02/2026 bị đơn anh Đinh Văn V trình bày: Anh và chị Sa Thị Thanh T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 15/11/2016 tại UBND xã M, huyện Y, tỉnh Phú Thọ (nay là xã S, tỉnh Phú Thọ). Trước khi kết hôn được tự nguyện tìm hiểu. Quá trình chung sống vợ chồng hoà thuận, hạnh phúc đến năm 2021 thì vợ chồng sống ly thân, anh chị không quan tâm đến nhau. Nay chị T xin ly hôn, anh xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nên anh nhất trí ly hôn.

Về con chung: Anh và chị T có 02 con chung là Đinh Văn Đ, sinh ngày 04/3/2018 và Đinh Ngọc L, sinh ngày 07/8/2020. Hiện nay, cả 02 con chung đang ở cùng với bố anh là ông Đinh Văn S1 và mẹ anh là bà Đinh Thị C tại khu N, xã T, tỉnh Phú Thọ. Do chị T đã bỏ đi khỏi nhà từ đầu năm 2021, không chăm sóc cho 02 con chung. Việc chăm sóc 02 con chung là do anh cùng bố mẹ anh trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Đến năm 2024 anh bị bắt và đang chấp hành án tại trại giam Y - Bộ C2 nên việc chăm sóc 02 con chung đều do bố mẹ anh chăm sóc, nuôi dưỡng nên không đồng ý để cho chị T được chăm sóc, nuôi dưỡng 02 con chung.

Về tài sản chung; nghĩa vụ chung về tài sản; công sức: Anh Đinh Văn V không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn: Bà Nguyễn Thị S - Trợ giúp viên pháp lý Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh P có bản quan điểm nhất trí với quan điểm của anh V, đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết theo quy định của pháp luật.

3, *Nguyện vọng của cháu Đinh Văn Đ* có nguyện vọng xin được ở với chị T.

4, *Qua xác minh tại ủy ban nhân dân xã T, tỉnh Phú Thọ ngày 15/01/2026 được đại diện chính quyền địa phương cung cấp:* Chị Sa Thị Thanh T và anh Đinh Văn V có đăng ký kết hôn ngày 15/11/2016 tại UBND xã M, huyện Y, tỉnh Phú Thọ (nay là xã S, tỉnh Phú Thọ). Trước khi kết hôn được tự nguyện tìm hiểu. Quá trình chung sống ban đầu chị T anh V hòa thuận, hạnh phúc. Sau đó vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân thì địa phương không rõ, đến đầu năm 2021 thì vợ chồng chị T, anh V sống ly thân, không ở cùng nhau. Theo bản án số 25/2024/HSST ngày 26/4/2024 anh V bị Tòa án nhân dân huyện Yên Lập, tỉnh Phú Thọ xử phạt 36 tháng tù về tội “Mua bán trái phép chất ma túy. Hiện anh V đang chấp hành án tại phân trại số 2, Trại giam Y - Bộ C2. Chị T, anh V có 02 con chung là Đinh Văn Đ, sinh ngày 04/3/2018 và Đinh Ngọc L, sinh ngày 07/8/2020. Hiện nay, cả 02 con chung đang ở với ông Đinh Văn S1 và bà Đinh Thị C tại khu N, xã T, tỉnh Phú Thọ. Chị T xin ly hôn anh V quan điểm của địa phương là đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật để bảo vệ quyền lợi của phụ nữ và trẻ em. Chị T vẫn thỉnh thoảng về thăm nom các con chung của chị T và anh V.

Tại phiên toà kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, HĐXX và việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự, từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm HĐXX nghị án đều thực hiện đúng theo quy định pháp luật không có vi phạm gì và phát biểu ý kiến về quan điểm giải quyết vụ án. Đề nghị HĐXX Căn cứ Điều 55, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình. Khoản 1 Điều 28; điều 35; điểm a khoản 1 điều 39; khoản 1 Điều 227; khoản 1 điều 228; Điều 238; Điều 271; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

[1]. Về quan hệ hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Sa Thị Thanh T và anh Đinh Văn V.

[2]. Về con chung: Giao cả 02 con chung là Đinh Văn Đ, sinh ngày 04/3/2018 và Đinh Ngọc L, sinh ngày 07/8/2020 cho chị Sa Thị Thanh T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục kể từ khi vợ chồng ly hôn cho đến khi từng con chung thành niên (đủ 18 tuổi). Anh Đinh Văn V không phải

cấp dưỡng tiền nuôi con chung vì chị T tự nguyện không yêu cầu. Anh Đinh Văn V được quyền đi lại thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được ngăn cấm cản trở.

[3]. Về tài sản chung; nghĩa vụ chung về tài sản; công sức: Chị T, anh V không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[4]. Về án phí: Chị Sa Thị Thanh T và anh Đinh Văn V đều là người dân tộc thiểu số sinh sống ở vùng có điều kiện kinh tế- xã hội đặc biệt khó khăn và có đơn xin miễn án phí nên được miễn tiền án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả thẩm tra tại phiên toà Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng dân sự:

[1.1]. Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Đây là tranh chấp về Hôn nhân và gia đình được quy định tại khoản 1 điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[1.2]. Về thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Bị đơn anh V có hộ khẩu thường trú tại khu N, xã T, tỉnh Phú Thọ. Căn cứ điều 35; điểm a, khoản 1, điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 6 - Phú Thọ.

[1.3]. Về sự có mặt, vắng mặt của nguyên đơn, bị đơn và người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của đương sự: Chị T, anh V, người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của đương sự đều có quan điểm xin được giải quyết xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 227; khoản 1 điều 228; Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự, Toà án nhân dân khu vực 6 - Phú Thọ tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[2]. Về nội dung: Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án và được xem xét tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận thấy:

[2.1]. Về quan hệ hôn nhân: Cuộc hôn nhân giữa chị T và anh V là hoàn toàn hợp pháp được UBND xã M, huyện Y, tỉnh Phú Thọ (nay là xã S, tỉnh Phú Thọ) cho đăng ký kết hôn ngày 15/11/2016. Chị T xác nhận quá trình chung sống vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống. Anh V xác nhận anh chị hoà thuận, hạnh phúc đến năm 2021 thì vợ chồng sống ly thân, hai bên không ai quan tâm đến cuộc sống của nhau. Xét thấy cuộc hôn nhân chị T và anh V đã mâu thuẫn rất trầm trọng, đời sống chung không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Chị T xin ly hôn, anh V nhất trí thuận tình ly hôn. Vì vậy, cần xử công nhận thuận tình ly hôn giữa chị T và anh V là hoàn toàn phù hợp với Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.2] Về con chung: Chị T và anh V đều xác nhận vợ chồng có 02 con chung là Đinh Văn Đ, sinh ngày 04/3/2018 và Đinh Ngọc L, sinh ngày 07/8/2020. Hiện nay cả 02 con chung đang ở cùng với bố mẹ anh V là ông Đinh Văn S1 và bà Đinh Thị C tại khu N, xã T, tỉnh Phú Thọ. Khi ly hôn chị T xin

được trực tiếp nuôi dưỡng cả 02 con chung và không yêu cầu anh V cấp dưỡng nuôi con chung. Phía anh V không nhất trí giao cả 02 con chung cho chị T được trực tiếp nuôi dưỡng vì chị T đã bỏ đi khỏi nhà từ đầu năm 2021, không chăm sóc cho 02 con chung. Việc chăm sóc 02 con chung là do anh cùng bố mẹ anh trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Nguyên vọng của cháu Đ đề nghị nếu bố mẹ cháu ly hôn thì nguyên vọng của cháu xin được ở với mẹ. Xét yêu cầu của chị T và anh V về việc nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung thấy rằng: Qua xác minh tại địa phương thì 02 con chung mặc dù đang ở cùng với bố mẹ anh V là ông Đinh Văn S1 và bà Đinh Thị C. Thời điểm năm 2021 chị T đi làm ăn nhưng chị T vẫn thường xuyên thăm nom, chăm sóc con chung chứ không như lời trình bày của anh V. Hơn nữa, hiện nay anh V đang chấp hành án tại trại giam Y - Bộ C2, không thể trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung. Như vậy để đảm bảo quyền lợi cho các con chung nên cần giao con chung cho chị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung là phù hợp. Chị T không đề nghị anh V phải cấp dưỡng nuôi con là sự tự nguyện của chị T cần được ghi nhận.

[2.3]. Về tài sản chung; nghĩa vụ chung về tài sản; công sức: Chị T và anh V không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3]. Về án phí: Chị T và anh V đều là người dân tộc thiểu số sinh sống ở vùng có điều kiện kinh tế- xã hội đặc biệt khó khăn và có đơn xin miễn án phí nên được miễn tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 55, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình. Khoản 1 Điều 28; điều 35; điểm a khoản 1 điều 39; khoản 1 Điều 227; khoản 1 điều 228; Điều 238; Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

[1]. Về quan hệ hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Sa Thị Thanh T và anh Đinh Văn V.

[2]. Về con chung: Giao cả 02 con chung là Đinh Văn Đ, sinh ngày 04/3/2018 và Đinh Ngọc L, sinh ngày 07/8/2020 cho chị Sa Thị Thanh T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục kể từ khi vợ chồng ly hôn cho đến khi từng con chung thành niên (đủ 18 tuổi). Anh Đinh Văn V không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung vì chị T tự nguyện không yêu cầu. Anh Đinh Văn V được quyền đi lại thăm nom con chung, không ai được ngăn cản cản trở.

[3]. Về tài sản chung; nghĩa vụ chung về tài sản; công sức: Chị T, anh V không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[4]. Về án phí: Chị Sa Thị Thanh T và anh Đinh Văn V đều là người dân tộc thiểu số sinh sống ở vùng có điều kiện kinh tế- xã hội đặc biệt khó khăn và có đơn xin miễn án phí nên được miễn tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

[5]. Về quyền kháng cáo: Các đương sự (vắng mặt) có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc được niêm yết bản án để đề nghị Toà án nhân dân tỉnh Phú Thọ xét xử theo trình tự phúc thẩm./.

Nơi nhận:

- VKSND khu vực 6 – Phú Thọ;
- Các đương sự
- UBND xã Sơn Lương, tỉnh Phú Thọ;
- Thi hành án dân sự tỉnh Phú Thọ;
- Lưu HS+ VP;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TÒA PHIÊN TOÀ**

Trần Việt Dũng